TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Ái

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Phạm Xuân Thọ và bà Vũ Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2019/TLST - HNGĐ ngày 20/6/2019, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thu Hg, sinh năm 1994 (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Đều trú tại: Tổ dân phố Đông P 2, phường Đồng T, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thu Hg trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình T vào ngày 16/11/2012. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu và tự nguyện Đng ký kết hôn tại UBND phường Đồng T, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị Hng về sống chung với gia đình anh T tại phường Đồng T. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận được một thời gian, đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong làm ăn phát triển kinh tế, anh T thường tụ tập bạn bè chơi bời không quan tâm đến vợ con, chị góp ý anh không nghe còn xúc phạm chị khiến mâu thuẫn vợ trồng thêm trầm trọng. Vì gia đình và các con chị đã cố gắng hàn gắn giữ gìn tình cảm vợ chồng mong anh T thay đổi nhưng không có kết quả. Đầu năm 2019 mâu

thuẫn vợ chồng trầm trọng chị đã làm đơn ly hôn anh tại tòa án nhưng sau đó lại rút đơn về để vợ chồng về đoàn tụ tuy nhiên không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Minh Đng, sinh ngày 13/3/2010 và cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 27/5/2014. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thảo M, còn anh T nuôi cháu Nguyễn Minh Đng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết

Về công nợ: Anh chị không nợ ai và không cho ai vay tài sản gì.

Về công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Đình T không có mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 26/7/2019 và quá trình làm việc tại tòa anh trình bày: Anh thừa nhận quá trình tìm hiểu, Đng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Hng trình bày là đúng. Quá trình sống chung vợ chồng nhiều lần mẫu thuẫn cãi vã, xúc phạm nhau, có lần chị Hng đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về như chị Hng đã trình bày. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nay chị Hng đề nghị ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu M và cháu Đng, hiện hai cháu đang ở với anh. Ly hôn anh đồng ý để chị Hng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo M, còn anh nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh Đng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung; tài sản riêng; cho vay và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Khoản nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị Hng vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T và không có ý kiến nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu và có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí lệ phí, xử cho chị Hng được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cho chị Hng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo M, anh Nguyễn Đình T nuôi cháu Nguyễn Minh Đng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ, công sức : Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thu Hg có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh T có mặt tại phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tuy nhiên tại phiên tòa anh T vắng mặt mặc dù đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu Hg và anh Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có Đng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong làm ăn phát triển kinh tế, anh T mải chơi không quan tâm đến gia đình, trong thời gian mâu thuẫn hai vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không có kết quả, bản thân chị Hng đã làm đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên nhưng sau đó lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng ngược lại càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng, anh chị đã ly thân từ 10 năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân hai gia đình cũng đã dàn xếp nhiều lần để anh chị về với nhau nhưng không được. Quá trình thụ lý vụ án tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị Hng vẫn kiên quyết ly hôn, bản thân anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh không có những biện pháp tích cực thể hiện thiện chí của mình, tại phiên tòa anh tiếp tục vắng mặt điều đó thể hiện anh không thực tâm muốn đoàn tụ cùng chị Hng, điều này chứng tỏ mẫu thuẫn giữa chị Hng và anh T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Hng đề nghị ly hôn anh T là có cơ sở phù hợp với điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Minh Đng, sinh ngày 13/3/2010 và cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 27/5/2014. Ly hôn chị Hng đề nghị được nuôi cháu M, anh T đề nghị được nuôi cháu Đng, xét thấy đề nghị của anh chị có căn cứ phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đng và cháu M nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản, công sức, công nợ và vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết theo nguyên tắc quyền quyết định và định đoạt của đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Chị Hng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Trần Thu Hg được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thu Hg được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 27/5/2014, anh Nguyễn Đình T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Đng, sinh ngày 13/3/2010, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị Hng, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công sức, công nợ và các vấn đề khác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thu Hg phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Hng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004497 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên; chị Hng đã nộp đủ án phí.

Chị Hng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tp Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự trong vụ án;
- Ủy ban nhân dân phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (ĐKKH năm 2012);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đỗ Minh Ái